

BÁO CÁO

Tổng kết Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”

Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.774 km²; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện, 2 thành phố); 142 đơn vị hành chính cấp xã (111 xã, 18 phường, 13 thị trấn); 1.376 thôn, tổ dân phố; dân số trên 1,3 triệu người. Đến ngày 11/10/2021, toàn tỉnh có 777 tổ chức cơ sở đảng (273 đảng bộ cơ sở, 504 chi bộ cơ sở; 3.096 chi bộ trực thuộc); 47.521 đảng viên.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tạo nhiều chuyển biến tiến bộ, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch đề ra. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn¹. Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, cải cách hành chính chất lượng được nâng lên. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, tình hình dân tộc, tôn giáo cơ bản ổn định.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đội ngũ đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm và chất lượng được nâng lên.

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

- Thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên” (gọi tắt là Nghị quyết); sau khi tổ chức quán triệt, học tập từ tỉnh đến cơ sở, ngày 08/5/2008, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 56-CT/TU để cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 19/4/2011 về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên nhiệm kỳ 2010 - 2015; Kế hoạch số 14-KH/TU, ngày 19/10/2016 về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 24/5/2021 về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2021 - 2025.

¹ Đến nay có 101/111 xã (91%) đạt chuẩn nông thôn mới; 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 3 huyện đạt chuẩn NTM (Đơn Dương, Đức Trọng, Đà Tẻh); thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Các kế hoạch đều được bổ sung, hoàn thiện các chỉ tiêu, nội dung mang tính trọng tâm, cụ thể, đổi mới, sáng tạo sau mỗi lần sơ, tổng kết. Qua tổ chức thực hiện cho thấy:

+ Phần lớn cấp ủy, tổ chức đảng có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên;

+ Nhiều cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, chất lượng sinh hoạt chi bộ có đổi mới, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ;

+ Phần lớn đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng; thực hiện tốt quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ; gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

+ Đội ngũ cấp ủy viên từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được kiện toàn đảm bảo về số lượng và chất lượng; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

+ Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X, XII) và Chỉ thị số 03 và 05-CT/TW của Bộ Chính trị tạo được những chuyển biến đáng kể về nhận thức, ý thức tu dưỡng rèn luyện của cán bộ, đảng viên; dân chủ trong Đảng và đồng thuận xã hội được phát huy;

+ Tỷ lệ xếp loại tổ chức đảng, đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ giảm qua các năm².

2. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng

2.1. Về xây dựng, kiện toàn, sắp xếp các loại hình tổ chức cơ sở đảng

Trong thời gian qua, các cấp ủy tập trung kiện toàn, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng phù hợp với điều kiện cụ thể của từng loại hình tổ chức đảng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, kết quả:

- Chỉ đạo giải thể 02 đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy gồm: Đảng bộ Tổng công ty Dầu tầm tơ Việt Nam và Đảng bộ Công ty Chè Lâm Đồng; đồng thời chuyển một số tổ chức cơ sở đảng về trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh, huyện ủy, thành ủy cho phù hợp với mô hình, tổ chức.

Ngoài ra, để cụ thể hóa việc xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước theo Kết luận số 80-KL/TW và Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 12/6/2018 về xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân, phát triển đảng trong khu vực kinh tế tư nhân để lãnh đạo, chỉ đạo; các cấp ủy thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức đảng trong khối doanh nghiệp để hoạt

² Năm 2016: Đảng bộ cơ sở 02, chi bộ trực thuộc: 05; năm 2017: đảng bộ cơ sở 01, chi bộ cơ sở: 03, chi bộ trực thuộc 04; năm 2018: đảng bộ cơ sở: 04, chi bộ cơ sở: 08, chi bộ trực thuộc 37; năm 2019: chi bộ cơ sở: 04, chi bộ trực thuộc: 02; năm 2020 không có tổ chức đảng xếp loại yếu kém. Đối với đảng viên: năm 2016: 145; năm 2017: 159; năm 2018: 214; năm 2019: 159; năm 2020: 222 (tỷ lệ giảm so với tổng số đảng viên hàng năm).

động ngày càng hiệu quả hơn³. Đồng thời thực hiện Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 09/3/2010 của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy tiến hành sắp xếp, thành lập đảng bộ cơ sở cơ quan Đảng - Đoàn thể và đảng bộ cơ sở cơ quan chính quyền trực thuộc huyện ủy, thành ủy; dưới đảng bộ cơ sở là các chi bộ trực thuộc của các phòng, cơ quan tham mưu trước đây là các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện, thành ủy (*có 12/12 huyện ủy, thành ủy thực hiện mô hình này*). Tuy nhiên, mô hình tổ chức cơ sở đảng này bộc lộ nhiều hạn chế như: Chưa xác định rõ vai trò cấp ủy; các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp còn thuộc nhiều cấp lãnh đạo khác nhau; nhiều khâu, quy trình về công tác cán bộ của các chi bộ trực thuộc (*phòng, ban,...*) còn lúng túng, khó thực hiện⁴.

- Việc kiện toàn, sắp xếp, hoàn thiện các mô hình chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã, phường, thị trấn theo Hướng dẫn số 10-HD/BTCTW, ngày 10/10/2007; Hướng dẫn số 28-HD/BTCTW, ngày 10/10/2014 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn; toàn tỉnh có 58/145 chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn được thành lập, tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động cho thấy việc thành lập chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế trong việc nắm tình hình ở địa bàn khu dân cư cũng như việc chuyển tải chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội dung công việc của đảng ủy, cơ quan cấp xã đến nhân dân. Vì vậy, năm 2019, sau khi tổng kết mô hình chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương giải thể mô hình chi bộ⁵, đồng thời chỉ đạo các đảng viên là cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn về tham gia sinh hoạt chi bộ ở thôn, tổ dân phố để sát với cơ sở.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (*khóa IX*) về “*Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*”, việc đổi mới, kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng được quan tâm, từ khi Nghị quyết số 22-NQ/TW ban hành (*năm 2008*) đến nay đã nâng cấp 13 chi bộ cơ sở xã thành đảng bộ cơ sở, hoàn thành 100% xã, phường, thị trấn là đảng bộ cơ sở; sắp xếp giảm 05 đảng bộ cấp xã.

Về hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm qua thể hiện rõ vai trò là hạt nhân chính trị trong lãnh đạo, tập hợp quần chúng ở cơ sở. Một số cấp ủy cơ sở đã phân công cấp ủy viên thường xuyên tìm hiểu tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để có chủ trương, biện pháp xử lý đúng đắn, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc.

Công tác xây dựng Chi bộ thôn, tổ dân phố chưa có đảng viên, sinh hoạt ghép trong những năm qua có sự đầu tư đáng kể, từ năm 2008 đến nay đã thành lập mới 672 chi bộ thôn, tổ dân phố, xóa được 10 thôn, tổ dân phố chưa có đảng viên⁶

³ Từ năm 2008 đến nay, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh đã thành lập mới 14 chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân, giải thể 04 chi bộ cơ sở (do không còn đủ số lượng đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng).

⁴ Trước khi sắp xếp toàn tỉnh có 831 TCCSD, sau khi tiến hành sắp xếp còn 687 TCCSD. Tuy nhiên, do mô hình có nhiều hạn chế, đến nay có 11/12 huyện ủy, thành ủy đã tiến hành giải thể mô hình này.

⁵ Giải thể 06 chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn còn lại

⁶ Xã Tân Thượng 03 thôn, xã Đình Trang Hòa 02 thôn (huyện Di Linh); xã Lộc Ngãi 02 thôn, xã Lộc Nam 01 thôn (huyện Bảo Lâm); xã Phi Liêng 02 thôn (huyện Đam Rông).

(hiện nay còn 01 thôn, tổ dân phố sinh hoạt ghép⁷). Về tình hình hoạt động của các chi bộ ở thôn, tổ dân phố, qua tổng kết cho thấy, sinh hoạt có nhiều chuyển biến, nội dung bám sát tình hình thực tế ở địa phương; nhiều chi bộ ban hành nghị quyết đề ra các giải pháp lãnh đạo xây dựng thôn, tổ dân phố văn hóa, văn minh, nhiều chi bộ liên tục giữ vững danh hiệu chi bộ trong sạch, vững mạnh hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

2.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ

- Qua sơ kết, tổng kết và kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên qua các năm, cho thấy các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các đảng ủy, chi ủy, chi bộ nhận thức đầy đủ hơn về thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi loại hình tổ chức cơ sở đảng để xây dựng quy chế hoạt động, phối hợp, thể hiện rõ vai trò, vị trí của tổ chức đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Các cấp ủy có nhiều cố gắng trong đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện sự lãnh đạo theo đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng thông qua việc xác định chủ trương, quan điểm và các định hướng lớn; lãnh đạo công tác tổ chức, công tác cán bộ và thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

- Để nâng cao hiệu quả hoạt động của chi bộ ở khu dân cư, ngày 29/5/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 01-QĐi/TU, quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chi bộ thôn, tổ dân phố trực thuộc đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn. Qua tổ chức thực hiện cho thấy, các chi bộ thôn, tổ dân phố đã bám sát quy định, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hội, đoàn thể để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, nhất là xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh hiện đại, xây dựng và nhân rộng chất lượng khu dân cư tiêu biểu, khu dân cư kiểu mẫu. Nhiều chi bộ chủ động, sáng tạo, vận dụng, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng và cấp ủy cấp trên phù hợp với tình hình thực tế của địa phương mình.

- Việc xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ được thực hiện nghiêm túc sau mỗi kỳ đại hội. Đa số cấp ủy cơ sở, chi bộ đều tiến hành rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế làm việc của đảng ủy, chi ủy qua tổ chức, thực hiện; trong quy chế đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tập thể cấp ủy và trách nhiệm của từng cấp ủy viên; thông qua quy chế để xây dựng chương trình công tác của cấp ủy, chi bộ.

2.3. Về xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy

- Trong những năm qua, đội ngũ cấp ủy cơ sở được xây dựng cơ bản đảm bảo số lượng, chất lượng, tính kết thừa, phát triển, có cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ⁸. Các cấp ủy đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cấp ủy, cán bộ, đảng viên, coi trọng việc đổi mới phương thức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; góp phần

Một số tổ chức cơ sở đảng làm tốt công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số như: xã Đa Sa, Đa Nhím (huyện Lạc Dương); xã Tu Tra, xã Tà Hine, xã N'Thôn Hạ (huyện Đức Trọng); xã Gia Bắc, xã Đinh Trang Hòa, xã Tân Châu (huyện Di Linh); xã B'Lá, xã Lộc Tân (huyện Bảo Lâm); xã Phước Cát 2 (huyện Cát Tiên); xã Đa Tông, xã Đa M'Rông, xã Liêng Srônh, xã Đa K'Nang (huyện Đam Rông).

⁷ 01 thôn (Lạc Dương) sinh hoạt ghép do sáp nhập chi bộ trước đại hội để chờ sáp nhập thôn trong năm 2021.

⁸ Toàn tỉnh hiện nay có 3.526 cấp ủy viên ở cơ sở (biểu số 2, số 3).

chuẩn hóa đội ngũ cấp ủy, cán bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, năng lực điều hành quản lý của chính quyền và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự cấp cơ sở; công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp và cấp ủy cơ sở quan tâm thực hiện. Trường Chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng cấp chính trị huyện tập trung mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ cấp ủy, cán bộ ở cơ sở. Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức 21 lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cấp ủy, cán bộ cơ sở; trong đó: Về chuyên môn: Đào tạo sau đại học 320 đồng chí; đại học 1.013 đồng chí; trung cấp 262 đồng chí. Về lý luận chính trị cao cấp 334 đồng chí; trung cấp 1.361 đồng chí; bồi dưỡng theo chức danh, nghiệp vụ công tác cho 4.295 đồng chí (**biểu số 5**).

- Việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân; thí điểm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn⁹ được các địa phương triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hiện nay, 100% các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp đều do đồng chí thủ trưởng hoặc cấp phó các cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư, các đồng chí trưởng hoặc phó các phòng, ban là chi ủy viên, đảng ủy viên (*nơi có cấp ủy*). Việc thực hiện chủ trương chủ tịch hội đồng quản trị (*hội đồng thành viên*), tổng giám đốc (*giám đốc*) đồng thời là bí thư cấp ủy chủ yếu tập trung đối với doanh nghiệp Nhà nước; đối với doanh nghiệp ngoài Nhà nước chủ trương này thực hiện còn hạn chế. Trong lực lượng công an, 100% thủ trưởng đơn vị đồng thời là bí thư cấp ủy.

- Việc nhất thể hóa bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận được các đảng ủy xã, phường, thị trấn quan tâm chỉ đạo, một số cấp ủy địa phương đã xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện (*huyện Đa Tễ, huyện Đa Huoai, huyện Di Linh,...*), đến nay toàn tỉnh có 591/1.376 thôn, tổ dân phố thực hiện mô hình bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận, tỷ lệ 42,95% (*trong đó: Kiêm trưởng thôn, tổ trưởng dân phố 183 đồng chí; kiêm trưởng ban công tác mặt trận 408 đồng chí*). Toàn tỉnh hiện còn 608 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên, tỷ lệ 44,1%.

2.4. Về sinh hoạt đảng bộ, cấp ủy, chi bộ

- Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư (*khóa X*) “Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới”, Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 6/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 15/11/2018 về tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 04-HD/BTCTU, ngày 01/11/2018 về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Qua tổ chức thực hiện cho thấy, các

⁹ Hiện nay, có 22 cơ sở đang thực hiện mô hình bí thư đồng thời là chủ tịch UBND (18 xã, 02 phường, 02 thị trấn); 82 bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND (68 xã, 08 phường, 06 thị trấn) (**Biểu số 4**).

huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và theo dõi việc duy trì nền nếp sinh hoạt của chi ủy, chi bộ trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng; công tác chuẩn bị nội dung, quy trình sinh hoạt chi bộ, phương pháp điều hành nền nếp, khoa học hơn.

- Về sinh hoạt thường kỳ, các cấp ủy cơ sở đã duy trì họp ban chấp hành, họp cấp ủy mở rộng và giao ban công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, sinh hoạt đảng bộ, chi bộ định kỳ được thực hiện đúng quy định, tỷ lệ cấp ủy viên, đảng viên tham gia sinh hoạt¹⁰ đảng ở các cuộc họp của Đảng ủy, chi bộ khá nghiêm túc; cơ bản phát huy vai trò của đảng viên tham gia phát biểu ý kiến đóng góp xây dựng nghị quyết chi bộ. Trong triển khai thực hiện nghị quyết có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy viên, đảng viên, cán bộ thực hiện.

- Sinh hoạt chuyên đề trong những năm qua được chú trọng hơn, với nhiều nội dung phong phú, gắn với Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, tiếp theo là đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; chương trình thực hiện nghị quyết của cấp trên trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị theo chức năng, nhiệm vụ được giao; những vấn đề cấp thiết, bức xúc phải giải quyết; công tác tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đảng viên,...; nhìn chung, đối với những chi bộ tổ chức tốt việc sinh hoạt chuyên đề đều phát huy được năng lực lãnh đạo, nâng cao kiến thức cho đảng viên và bước đầu thể hiện được vai trò lãnh đạo của chi bộ.

2.5. Về kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng

- Công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, tập thể lãnh đạo quản lý các cấp (nhất là từ khi có *Quy định số 132-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương*) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy thực hiện nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng gắn với việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định nêu gương. Quá trình kiểm điểm đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình, phê bình trên cơ sở thẳng thắn, xây dựng, đoàn kết nội bộ, cầu thị, nghiêm túc.

- Tuy phương pháp, nội dung đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm có nhiều thay đổi (từ năm 2010 đến nay có 7 văn bản của *Trung ương về nội dung, phương pháp đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên*)¹¹, nhưng việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức

¹⁰ Đảng viên ở cấp xã tham gia sinh hoạt bình quân 92%.

¹¹ Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11/10/2011 của Ban Tổ chức Trung ương; Hướng dẫn số 22-HD/BTCTW ngày 04/11/2013 việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2013 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 25/9/2014 của Ban Tổ chức Trung ương; Công văn số 1825-CV/BTCTW ngày 18/11/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên năm 2016; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 24/9/2018 của Ban Tổ chức Trung ương; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương.

đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp trong toàn Đảng bộ được thực hiện nghiêm túc, chất lượng, đảm bảo quy trình. Riêng Lâm Đồng đã lượng hóa việc đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên bằng điểm chấm cụ thể từng tiêu chí. Trên cơ sở điểm khung của Ban Thường vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã xây dựng các biểu điểm cụ thể cho từng loại hình tổ chức đảng và đảng viên để thực hiện. Qua đánh giá hằng năm có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ tổ chức đảng đạt trong sạch, vững mạnh (*trước khi có Quy định số 132-QĐ/TW*) trung bình 40,91%; hoàn thành tốt nhiệm vụ 46,36%; hoàn thành nhiệm vụ 9,09%; yếu kém còn 3,64%. Sau khi thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW, trung bình số tổ chức đảng đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 19,44%; hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 71,74%; hoàn thành nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 7,49%; không hoàn thành nhiệm vụ còn 1,33%¹². Riêng năm 2020, không có tổ chức cơ sở đảng đánh giá, xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

- Công tác khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, đúng quy định¹³. Công tác xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm cơ bản được thực hiện đảm bảo nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự, thủ tục; vi phạm đến đâu, xử lý đến đó, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, coi trọng yếu tố giáo dục, xây dựng; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi cố ý vi phạm, ảnh hưởng uy tín của tổ chức đảng, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân¹⁴.

3. Xây dựng đội ngũ đảng viên

3.1. Về tình hình đội ngũ đảng viên

Đến tháng 10/2021, toàn Đảng bộ có 47.521 đảng viên, tăng 17.764 đảng viên¹⁵ so với năm 2010. Đảng viên dự bị 1.437 đảng viên, nữ 18.319 đảng viên, dân tộc thiểu số 5.212 đảng viên, tôn giáo 4.951 đảng viên, đoàn viên thanh niên 14.617 đảng viên, được miễn công tác - sinh hoạt đảng 2.792 đảng viên; đảng viên có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên 43.505 đảng viên, tỷ lệ 92%, có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên 6.860 đảng viên, tỷ lệ 14,5%. Tuổi bình quân của đảng viên hiện nay là 42 tuổi. Cơ cấu ở các loại hình: Xã, phường, thị trấn 32.183 đảng viên, tỷ lệ 67,3%; cơ quan hành chính, sự nghiệp 9.289 đảng viên, tỷ lệ 17,6%; lực lượng vũ trang 3.278 đảng viên, tỷ lệ 9,3%; doanh nghiệp 2.771 đảng viên, tỷ lệ 5,8% (*biểu số 3; biểu số 5 thống kê định kỳ tình hình tổ chức đảng đảng viên có đến ngày 11/10/2021*).

Nhìn chung, đội ngũ, cơ cấu đảng viên của toàn Đảng bộ ít có biến động, đa số đảng viên vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng, thể hiện vai trò gương mẫu trong việc chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

¹² Năm 2016: đảng bộ cơ sở 02, chi bộ trực thuộc: 05; năm 2017: đảng bộ cơ sở 01, chi bộ cơ sở: 03, chi bộ trực thuộc 04; năm 2018: đảng bộ cơ sở: 04, chi bộ cơ sở: 08, chi bộ trực thuộc 37; năm 2019: chi bộ cơ sở: 04, chi bộ trực thuộc: 02; năm 2020 không có tổ chức đảng xếp loại yếu kém. Đối với đảng viên: năm 2016: 145; năm 2017: 159; năm 2018: 214; năm 2019: 159; năm 2020: 222. Tập trung đa số ở các loại hình tổ chức cơ sở đảng (phường, xã, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang); lý do bị xếp loại yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu là do cán bộ chủ chốt, đảng viên bị kỷ luật.

¹³ Từ năm 2015 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tặng 17 Cờ; 58 Bằng khen cho các tổ chức đảng (trong đó có 02 đảng bộ cấp trên cơ sở); Bằng khen cho 528 đảng viên. Đã trao tặng 9.085 Huy hiệu đảng các loại.

¹⁴ Từ năm 2016 đến nay, cấp ủy các cấp và chi bộ thi hành kỷ luật 03 tổ chức cơ sở đảng (khiển trách 03); 910 đảng viên (khiển trách 677, cảnh cáo 159, cách chức 15, khai trừ 59 đv) (*Biểu số 9*).

¹⁵ Trong đó, toàn tỉnh kết nạp được 16.656 đảng viên.

nước, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cách mạng, có lối sống giản dị, gần gũi quần chúng. Nhiều đảng viên hoạt động trong điều kiện còn khó khăn (*nhất là trong đợt dịch Covid-19 vừa qua*) nhưng đã năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn tìm tòi, thử nghiệm những cách làm ăn mới, đạt hiệu quả cao, được quần chúng tin yêu, mến phục, noi gương. Qua kiểm điểm, đánh giá thực hiện nhiệm vụ hằng năm cho thấy đội ngũ đảng viên đều có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, những quy định, nội quy của cơ quan, đơn vị, địa phương. Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kiến thức lãnh đạo và quản lý đối với đảng viên là cấp ủy viên, cán bộ quản lý ngày càng được nâng lên; có ý thức trách nhiệm, phương pháp làm việc khoa học; tiếp cận và giải quyết công việc linh hoạt, thực tế, coi trọng chất lượng và hiệu quả.

3.2. Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ đảng viên

- Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, đặc biệt là tác động của đại dịch Covid-19, các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng đã tập trung chỉ đạo, đổi mới và tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, chú trọng đẩy mạnh việc học tập lý luận chính trị, bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, cổ động, báo chí, văn học, nghệ thuật, thông tin đối ngoại,... nhằm nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên và củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng; nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh với những luận điệu sai trái, chống phá của các thế lực thù địch.

- Việc nêu gương¹⁶ của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp được Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nhìn chung cán bộ, đảng viên đều gương mẫu, thực hiện tốt các nội dung nêu gương; chấp hành tốt giờ giấc công sở, hội họp, đi cơ sở, kỷ luật, kỷ cương, kê khai tài sản; chấp hành nghiêm quy định không được uống rượu, bia trong giờ làm việc và buổi trưa các ngày làm việc, quy định về tổ chức việc tang, hiếu hỷ, liên hoan; bước đầu khắc phục tình trạng tham nhũng vặt trong cán bộ, đảng viên; cơ bản thực hiện tốt nội dung đăng ký học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề hằng năm, có ý thức tự giác, khiêm tốn, cầu thị.

- Việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “*lợi ích nhóm*”, nói không đi đôi với làm của cán bộ, đảng viên có bước chuyển biến đáng kể. Việc giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp và đảng viên được thực hiện thương xuyên. Đạo đức công vụ, tinh thần thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị được nâng lên.

- Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị theo chủ đề của từng năm gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (*khóa XI, XII*) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng bằng nhiều hình thức, nội dung phong

¹⁶ Qua thống kê từ năm 2019 đến nay, có 1.008 cán bộ, đảng viên thực hiện chưa tốt việc nêu gương.

phú, đa dạng và đạt những kết quả thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức, đề cao ý thức tự giác rèn luyện làm theo của đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là về trách nhiệm công dân, ý thức đấu tranh chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống¹⁷.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (*khóa XII*), Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 31-CTr/TU, ngày 19/01/2017; chỉ đạo các cấp ủy, các tổ chức cơ sở đảng tiến hành tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện nghiêm túc ở cả 3 cấp, trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân; chỉ đạo cấp ủy các cấp từ huyện đến cơ sở căn cứ nội dung của Nghị quyết để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị. Qua thực hiện, đa số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể, cá nhân thường xuyên soi rọi, nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” ở cấp ủy, cơ quan, đơn vị, cá nhân để phát hiện, chấn chỉnh, uốn nắn và xử lý kịp thời. Qua kết quả nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn (*từ khi thực hiện Nghị quyết*) đã có 563 trường hợp có biểu hiện suy thoái, vi phạm quy định của Đảng, Nhà nước phải xử lý kỷ luật¹⁸.

- Qua kiểm tra, kiểm điểm đánh giá chất lượng hằng năm cho thấy, đa số đảng viên chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt quy định về những điều đảng viên không được làm, nguyên tắc, chế độ sinh hoạt đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên thực hiện tốt cam kết không vi phạm 27 biểu hiện suy thoái mà Nghị quyết Trung ương 4 (*khoá XII*) đã chỉ ra; góp phần vào việc đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ.

3.3. Về công tác phát triển đảng viên

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên nhất là đoàn viên, thanh niên, trí thức trẻ tình nguyện đang phục vụ tại địa phương, công nhân trong các doanh nghiệp và những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên được quan tâm. Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng nghị quyết chuyên đề, đăng ký chỉ tiêu phấn đấu hằng năm, ở một số địa bàn xã, thị trấn (*Huyện ủy Bảo Lâm, Huyện ủy Đa Tễ, Huyện ủy Di Linh, Huyện ủy Lạc Dương, huyện Đam Rông, Thành ủy Đà Lạt,...*) đã giao nhiệm vụ cho đảng ủy viên cơ sở phụ trách địa bàn về sinh hoạt tại chi bộ thôn, tổ dân phố, qua đó tiếp cận, phát hiện những nhân tố tích cực để bồi dưỡng, giáo dục, tạo nguồn phát triển đảng viên.

- Việc thực hiện kết nạp và công nhận đảng viên chính thức (*tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục, hồ sơ kết nạp đảng viên; vấn đề lịch sử và chính trị hiện nay của người vào Đảng; kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt (người theo tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân...); kết nạp lại người vào Đảng được các cấp ủy, chi bộ thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.*

¹⁷ Từ khi thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, Chỉ thị 05 đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được nhiều tập thể cá nhân điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, cụ thể: Đã có 872 tập thể, 1.278 cá nhân điển hình tiên tiến được biểu dương, khen thưởng.

¹⁸ Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị 415 trường hợp; biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống 148 trường hợp; không có biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ (Báo cáo 05 năm thực hiện Nghị quyết TW 4 khóa XII).

Từ năm 2010 đến nay, toàn tỉnh kết nạp được 16.656 đảng viên, trong đó, có 1.757 đảng viên là người dân tộc thiểu số, tỷ lệ 10,55%.

3.4. Về công tác quản lý đảng viên

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, ngay từ đầu năm, các cấp ủy, chi bộ đều xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên; đa số nội dung phân công đảng viên đều bám sát vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của đảng viên. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên hàng năm của các cấp ủy, chi bộ rõ hơn, sát với nhiệm vụ của từng đảng viên; tạo sự đồng thuận của đảng viên trong chi bộ.

- Công tác quản lý hồ sơ đảng viên; chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên được phân cấp và thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn. Các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc lưu giữ, bảo quản hồ sơ cơ bản đảm bảo. Việc nghiên cứu, khai thác hồ sơ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, không để xảy ra tình trạng thất lạc hồ sơ. Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng thể hiện trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn để các cá nhân và đoàn thể liên quan thực hiện các thủ tục giới thiệu theo quy định, đảm bảo sự liên tục, không làm gián đoạn hay chậm trễ việc đề nghị xét kết nạp Đảng. Đối với hồ sơ đảng viên khi được công nhận chính thức đảm bảo đầy đủ về thành phần. Các quyết định về điều động, bổ nhiệm, đề bạt, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chuyển ngành, phục viên, xuất ngũ, kỷ luật, khen thưởng, cơ bản được bổ sung đầy đủ trong hồ sơ, phản ánh được quá trình công tác liên tục của từng đảng viên.

- Về thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú: Trước khi thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 535-QĐ/TU, ngày 05/5/1998 về trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ các đơn vị lực lượng vũ trang giữ mối liên hệ mật thiết với cấp ủy và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú (*tiếp theo là Quy định số 19-QĐ/TU, ngày 13/11/2019; Quy định số 01-QĐ/TU, ngày 25/11/2020*), việc giới thiệu cán bộ, đảng viên về giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện thường xuyên, khá hiệu quả. Nội dung được bổ sung, cập nhật thường xuyên, nhất là việc giữ mối liên hệ nơi cư trú gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ, việc nêu gương và chấp hành quy định, Điều lệ Đảng của đảng viên ở tổ chức cơ sở đảng¹⁹.

- Việc thực hiện giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng được thực hiện đúng đối tượng, nguyên tắc; đa số các cấp ủy, chi bộ khi xét giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng đều thực hiện tốt việc hướng dẫn và tổ chức xét, ra nghị quyết giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên; tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên, nhất là tuổi cao, sức khỏe yếu, chữa bệnh, đảng viên đi làm ăn xa.... được thực hiện giảm, miễn sinh hoạt đảng theo đúng quy định.

- Theo thống kê, hiện nay, toàn Đảng bộ có 377 đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú. Để quản lý tốt số đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú, những năm qua, các cấp

¹⁹ Từ năm 2014 đến nay, có 109.458 lượt đảng viên được giới thiệu giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

ủy, tổ chức đảng đã chủ động đề ra một số biện pháp, giải pháp phù hợp trong công tác quản lý đảng viên, vì vậy, đa số đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú cơ bản chấp hành tốt các quy định của Đảng. Đa số đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của người đảng viên, vẫn còn tình trạng bỏ sinh hoạt đảng²⁰, không giữ mối liên lạc với cấp ủy, chi bộ...

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng viên được các cấp ủy lãnh đạo và tổ chức thực hiện²¹ thường xuyên, qua đó đã phát hiện, kiểm tra, xử lý nhiều đảng viên vi phạm, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý, nhiều cán bộ giữ cương vị quan trọng của địa phương, đơn vị, những lĩnh vực trước đây ít được kiểm tra (*như khối nội chính...*).

- Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa ra những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi đảng, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đảm bảo các quy trình, thủ tục; thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên nhằm phát hiện những đảng viên yếu kém, phai nhạt lý tưởng, không hoàn thành nhiệm vụ, không thực hiện đúng quy định về chuyển sinh hoạt đảng để kịp thời xử lý, đưa ra khỏi đảng. Qua triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 đến nay đã có 37 trường hợp đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng theo quy định²².

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

- Công tác tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên được cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời²³; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả, bám sát thực tiễn.

- Các cấp ủy, nhất là ở cơ sở đã tập trung xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo mục tiêu của Nghị quyết, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của cấp ủy cấp trên trực tiếp; nhiều cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, bảo đảm tính chiến đấu trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ.

- Sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, đảng bộ định kỳ được duy trì, thực hiện đúng quy định; chất lượng, nội dung được nâng lên; tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt đảng ở các chi bộ khá nghiêm túc; dân chủ trong sinh hoạt đảng từng bước được phát

²⁰ Từ năm 2015 đến nay có 325 đảng viên bị xóa tên, trong đó 178 đảng viên do đi làm ăn xa, không tham gia sinh hoạt đảng tại nơi làm việc, không báo cáo cấp ủy, chi bộ nơi cư trú.

²¹ Cấp ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, chi bộ đã kiểm tra 12.827 đảng viên; giám sát 4.575 đảng viên theo Điều 30 Điều lệ Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 308 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giám sát 2.295 đảng viên (số liệu UBKTTU).

²² Trong đó: Đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau thời gian 12 tháng phấn đấu không tiến bộ 06 đảng viên; đảng viên hai năm liên vi phạm tư cách đảng viên 31 đảng viên (**Biểu số 12**).

²³ Cụ thể hóa, ban hành 15 văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 05 văn bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

huy, vai trò của đảng viên trong việc tham gia góp ý xây dựng chi bộ ngày càng thể hiện rõ. Trong triển khai thực hiện nghị quyết đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy viên, đảng viên, cán bộ thực hiện.

- Đội ngũ cấp ủy viên, trước hết là bí thư cấp ủy và cán bộ, đảng viên hầu hết có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh; thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị ngày càng cao; năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở được thực hiện nghiêm túc, kịp thời; cấp ủy cấp huyện và tổ chức đảng cơ sở không ngừng được xây dựng, củng cố; công tác kết nạp đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Nguyên nhân của ưu điểm: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy cấp huyện, cấp cơ sở đều tổ chức triển khai các nghị quyết, kế hoạch và thực hiện nghiêm túc; sự nỗ lực, phấn đấu, nhận thức của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực là điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

- Việc triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ở một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng còn tình trạng làm rậm rộ lúc triển khai ban đầu, chưa chú trọng cụ thể hóa về lộ trình, giải pháp, nội dung thực hiện chậm đổi mới, chưa có nhiều tính sáng tạo, đột phá và chưa thường xuyên kiểm điểm, đánh giá, rút kinh nghiệm để chỉ đạo một cách có hiệu quả, do đó chất lượng, hiệu quả hoạt động của một số tổ chức cơ sở đảng, đảng viên còn hạn chế, lúng túng, hiệu quả chưa cao.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa dành nhiều thời gian cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; việc kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (*khóa XII*) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ở một số loại hình tổ chức cơ sở đảng, ở một số tập thể lãnh đạo quản lý, của đảng viên có nơi còn biểu hiện hình thức.

- Nội dung sinh hoạt, nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng một số nơi còn hạn chế; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình ở một số cấp ủy, chi bộ còn yếu; tình trạng đảng viên có biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc ý kiến xuôi chiều, ít tham gia thảo luận trong các buổi sinh hoạt chi bộ ở đảng viên trẻ, đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý vẫn còn nhiều; nội dung sinh hoạt ở không ít chi bộ nặng về kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, ít chú ý đi sâu kiểm điểm vai trò lãnh đạo, trách nhiệm của chi bộ cũng như tính tiên phong gương mẫu của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Vai trò nêu gương ở một số nơi ít được chú ý.

- Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên còn gặp nhiều khó khăn; một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng thực hiện quy trình xem xét kết nạp quần chúng vào Đảng hoặc chuyển đảng chính thức chưa chặt chẽ; chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức còn dễ kéo dài quá thời gian theo quy định.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; có lúc, có nơi vẫn còn biểu hiện hình thức, chưa đủ sức rắn đê, chưa quyết liệt đấu tranh với vi phạm; chất lượng công tác giám sát thường xuyên còn nhiều hạn chế, có những vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên diễn ra trong thời gian dài nhưng chậm phát hiện để kiểm tra, kết luận và xử lý kịp thời; một số ủy ban kiểm tra cấp cơ sở, trên cơ sở còn thiếu chủ động nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, vì vậy số cuộc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm chưa nhiều.

- Công tác nắm thông tin, dự báo tình hình, triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; một số cán bộ, đảng viên thiếu tiên phong, gương mẫu; vai trò hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong một số tổ chức cơ sở đảng, nhất là khối doanh nghiệp chưa được phát huy.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm

- Việc nghiên cứu nghị quyết, kế hoạch về xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của một bộ phận cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa cao; vẫn còn một số cấp ủy nhận thức về công tác xây dựng, nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên chưa thật cụ thể, nội dung chỉ đạo còn chung chung, thiếu giải pháp phù hợp với đặc điểm tình hình ở cơ sở.

- Vai trò của người đứng đầu, cấp ủy viên, thành viên theo dõi, phụ trách địa bàn đối với các tổ chức cơ sở đảng chưa phát huy đúng mức về vai trò, nhận thức, cá biệt có tâm lý chủ quan, làm theo kinh nghiệm chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Tính phối hợp trong lãnh đạo của cả hệ thống chính trị của một số cấp ủy chưa cao; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên.

- Công tác giáo dục, rèn luyện, giúp đỡ đảng viên của nhiều cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng chưa được quan tâm đúng mức; việc đăng ký, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị một số nơi, một số đảng viên còn hình thức, chưa tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Vai trò của đảng viên trong việc nêu gương, trong tự phê bình và phê bình, tham gia góp ý xây dựng chi bộ còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Cấp ủy các cấp phải luôn bám sát nghị quyết và thực tiễn; thường xuyên củng cố, xây dựng nội dung phương thức lãnh đạo cho phù hợp với thực tế ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân trong lãnh đạo, điều hành trực tiếp, toàn diện trên các lĩnh vực, nhiệm vụ theo quy định; đổi mới việc xây dựng nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động để đảm bảo cho nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống và thực hiện có hiệu quả ở cơ sở.

- Thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi để đảng viên được học tập nâng cao trình độ về mọi mặt; xây dựng kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm để kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; đẩy mạnh đấu tranh, kịp thời uốn nắn nhận thức lệch lạc, những biểu hiện lơ là, mất cảnh giác, sa vào chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng thực dụng xuất hiện trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, cải tiến hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; thường xuyên tổ chức học tập, bồi dưỡng để cấp ủy, cán bộ, đảng viên ở cơ sở có nhận thức sâu sắc về công tác củng cố, xây dựng nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

- Làm tốt công tác quản lý đảng viên, phân công và giao nhiệm vụ cho đảng viên, thực hiện việc đánh giá, phân loại đảng viên đúng thực chất; tạo điều kiện để đảng viên được tiếp cận thực tế, gắn với thực tiễn để công tác và trưởng thành.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, bồi dưỡng của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy, cán bộ, đảng viên làm công tác kiểm tra ở cấp dưới, trong kiểm tra chú trọng tính thực tế, tránh hình thức, chung chung, chiếu lệ, nể nan

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xây dựng đội ngũ đảng viên chất lượng, hiệu quả gắn với phát huy vai trò nêu gương trong thực hiện và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 100% cấp ủy, các tổ chức đảng nghiên cứu, thực hiện đúng quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở. Không có tổ chức cơ sở đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc,...

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”; phấn đấu hàng năm, 100% đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ các đơn vị lực lượng vũ trang đang công tác thực hiện nghiêm, có hiệu quả việc đăng ký, cam kết về ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (*khóa XIII*) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định nêu gương.

- Coi trọng tổng kết thực tiễn; đẩy mạnh và phát huy, nhân rộng những mô hình hay, cách làm mới. Phấn đấu đến năm 2023 có 25%, đến năm 2025 có 50%, đến năm 2030 có 65% cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng có mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, địa phương, đơn vị.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng

3.1.1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; công tác quản lý đảng viên

- Cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ phải thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên về Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Chủ động nắm bắt, đánh giá đúng diễn biến tư tưởng cán bộ, đảng viên, phát hiện và có biện pháp đấu tranh, xử lý, khắc phục những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng chính trị, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” hoặc cục bộ, mất đoàn kết trong nội bộ.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ việc học tập lý luận chính trị trong Đảng theo Quy định số 54-QĐ/TW của Bộ Chính trị (*khoá VIII*) và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng chủ động nắm bắt và giải quyết kịp thời những diễn biến tư tưởng của đảng viên; việc quản lý đảng viên phải thường xuyên, toàn diện, gắn công tác quản lý đảng viên với công tác cán bộ, đề cao trách nhiệm của cấp ủy, bí thư chi bộ và các đoàn thể quần chúng trong công tác quản lý đảng viên.

3.1.2. Tập trung nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng cấp ủy, đảng viên

- Tổ chức quán triệt, thực hiện có hiệu quả Kết luận số 38-KL/TW ngày 13/11/2018 của Bộ Chính trị về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa X*).

- Cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng tiếp tục đổi mới về phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, trong đó tập trung thực hiện tốt, có hiệu quả nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; nâng cao ý thức, trách nhiệm, tác phong làm việc, phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân trong lãnh đạo trực tiếp, toàn diện trên các lĩnh vực, nhiệm vụ theo quy định.

- Ban hành kịp thời nghị quyết của Đảng, tập trung lãnh, chỉ đạo xây dựng kịp thời chương trình hành động, kế hoạch nhằm cụ thể hóa mục tiêu, giải pháp, chương trình trọng tâm, phù hợp với thực tiễn và gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng.

- Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, đặc biệt là trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và trong công tác cán bộ.

- Thực hiện chặt chẽ quy trình miễn công tác và sinh hoạt Đảng; quy trình chuyển sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho bí thư, phó bí thư chi bộ, cấp ủy viên, đặc biệt là những đồng chí mới tham gia cấp ủy lần đầu để nắm vững nguyên tắc tổ chức, Điều lệ Đảng.

- Thực hiện nghiêm chủ trương thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm bí thư cấp ủy; tăng cường kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng; tiếp tục thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận (*ở những nơi có điều kiện*).

- Cấp ủy, tổ chức đảng cần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, hiệu quả trong nhận thức, hành động về công tác dân vận của Đảng; phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

3.1.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW.

- Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, phương pháp có trọng tâm, trọng điểm với quyết tâm chính trị cao nhất để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Kịp thời giáo dục, giúp đỡ, ngăn chặn khi phát hiện cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, hách dịch, cửa quyền, tiêu cực, sách nhiễu gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Hằng năm, gắn kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận với kiểm điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân. Những nơi có vấn đề phức tạp, bức xúc, có biểu hiện hình thức hoặc vi phạm thì cấp trên gợi ý kiểm điểm trực tiếp, yêu cầu báo cáo giải trình và trực tiếp dự, chỉ đạo.

3.1.4. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức đảng gắn với tổ chức bộ máy, doanh nghiệp; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là ở những cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất, thành lập mới; quan tâm xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong các loại hình doanh nghiệp.

- Cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm xây dựng đội ngũ cấp ủy, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, năng lực, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm, có uy tín và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết.

- Thông qua kiểm tra, giám sát, kiểm điểm, kiên quyết xử lý những trường hợp phát hiện vi phạm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã được cấp ủy, chi bộ giáo dục, giúp đỡ nhưng không có chuyển biến, không khắc phục vi phạm. Mạnh dạn miễn nhiệm, thay thế những đồng chí tham gia cấp ủy, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang được quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, tuyển dụng,... không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, nguyên tắc, quy trình, kém về phẩm chất đạo đức, lối sống.

3.1.5. Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng

- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng phải luôn bám sát chỉ đạo của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên, có trọng tâm, trọng điểm, có chất lượng.

- Chủ động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên để làm trong sạch nội bộ Đảng, trong đó chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện

Nghị quyết Trung ương 4 (*khóa XII*), Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 (*khóa XIII*) gắn với Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (*khóa XIII*) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, qua đó phát hiện, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, xây dựng nội bộ đoàn kết, vững mạnh.

3.1.6. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chất lượng kết nạp đảng viên mới và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng

- Thực hiện nghiêm việc sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng định kỳ theo quy định; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ theo quy định, hướng dẫn; xem xét, xử lý nghiêm những cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu không duy trì đúng chế độ sinh hoạt theo quy định.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận, góp ý, tự phê bình, phê bình. Đối với các đồng chí là cấp ủy viên các cấp, lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu phải thể hiện trách nhiệm, gương mẫu, tham gia đầy đủ các cuộc họp của chi bộ theo định kỳ, cùng chịu trách nhiệm với chi ủy, bí thư chi bộ về chất lượng của tổ chức đảng nơi mình đang tham gia sinh hoạt.

- Có kế hoạch phân công đảng viên, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên mới, trong đó phải coi trọng chất lượng, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và động cơ của người xin vào Đảng; không chạy theo số lượng và thành tích; không kết nạp vào Đảng những người có động cơ không rõ ràng, không trong sáng. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư, Kế hoạch số 100-KH/TU, ngày 27/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng; Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát, phân tích nguyên nhân, đề xuất các giải pháp khắc phục, tình trạng đảng viên xin ra khỏi Đảng và bỏ sinh hoạt Đảng.

3.1.7. Thực hiện nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm theo quy định

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân hằng năm theo đúng quy định; những tập thể, cá nhân thực hiện không nghiêm túc tiến hành đánh giá trách nhiệm người đứng đầu để làm gương cho những lần đánh giá, xếp loại tiếp theo.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ đảng viên

- Đảng viên, trước hết người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng tự giác học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu, tiên phong, gương mẫu, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ của người đảng viên theo Điều lệ Đảng; xây dựng phong cách làm việc khoa học, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm, nêu gương, đi đầu trong mọi hoạt động tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 22/5/2019 của Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên.

- Hằng năm, đảng viên xây dựng bản đăng ký thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (*khóa XII*), Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 (*khóa XIII*) và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (*khóa XIII*) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và phù hợp với nhiệm vụ được giao; định kỳ kiểm điểm, báo cáo trước tập thể chi bộ về kết quả học tập, rèn luyện, đăng ký của mình.

- Đảng viên là cấp ủy viên các cấp phải tập trung chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở cơ sở; hằng tháng, năm, trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, cùng với việc kiểm điểm tập thể, cá nhân, các đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, cấp ủy viên các cấp phải kiểm điểm làm rõ kết quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, giữ gìn đoàn kết nội bộ, vấn đề nêu gương,...

- Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình; thực hiện nghiêm lời tuyên thệ trước Đảng kỳ từ khi được kết nạp vào Đảng.

- Gương mẫu thực hiện nhiệm vụ của đảng về liên hệ nơi cư trú theo Quy định số 01-QĐ/TU, ngày 26/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phát huy vai trò, trách nhiệm của đảng viên trong việc vận động, tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và nhân dân nơi cư trú nắm vững các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Đề xuất, kiến nghị với Trung ương

4.1. Sau tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đội ngũ đảng viên, sớm ban hành nghị quyết mới về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên trong giai đoạn hiện nay theo hướng rõ nhiệm vụ trọng tâm, sát cơ sở; nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng cần chuyên sâu, dễ làm, dễ thực hiện, dễ tổng kết và dễ kiểm tra, giám sát²⁴.

4.2. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với tình hình thực tiễn²⁵.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ CSĐ - Đảng viên, BTCTW,
- Vụ III - BTC Trung ương,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thành ủy,
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

²⁴ Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (*khóa X*) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 18/3/2002 của Trung ương về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

²⁵ Quy định số 97, 98 -QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp; của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan; Quy định về chức, nhiệm vụ, mối quan hệ xã, phường, thị trấn.

DANH MỤC VĂN BẢN
Liên quan đến công tác tổ chức cơ sở đảng, đảng viên

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG	VĂN BẢN CỦA TỈNH
1	Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “ <i>Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên</i> ”.	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình hành động số 56-CT/TU, ngày 08/5/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. - Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 19/4/2011 về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên nhiệm kỳ 2010 - 2015. - Kế hoạch số 14-KH/TU, ngày 19/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2016 – 2020. - Quy định số 01-QĐi/TU ngày 29/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chi bộ thôn, tổ dân phố trực thuộc đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn. - Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 24/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2021 - 2025.
2	Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII)	- Chương trình hành động số 31-CTr/TU 19/01/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).
3	Kết luận số 29-KL/TW ngày 31/01/2018 của Bộ Chính trị về tổng kết 10 năm thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp tư nhân.	- Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 12/6/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp tư nhân.
4	Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 18/3/2019 về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân.	- Kế hoạch số 86-KH/TU, ngày 04/6/2019 của BTVTƯ về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân.
5	Công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, tập thể lãnh đạo quản lý các cấp (Theo Quy định 132-QĐ/TW	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định số 03-QĐi/TU, ngày 15/11/2018 - Quy định số 19-QĐ/TU, ngày 13/11/2019 - Quy định số 06-QĐ/TU, ngày 26/10/2021 của BTVTƯ về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất

	<i>của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương).</i>	lượng tổ chức đảng, đảng viên, tập thể lãnh đạo quản lý các cấp. - Ban Tổ chức Tỉnh ủy có các Hướng dẫn số 05, 07, 03-HD/BTCTU, năm 2021.
6	Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của BCH TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.	- Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 22/5/2019 của Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.
7	Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư khóa XII “ <i>về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ</i> ”.	- Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 15/11/2018 của BTVTU về tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ. - Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 04-HD/BTCTU, ngày 01/11/2018 về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.
8	Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa ra những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi đảng.	- Kế hoạch số 100-KH/TU, ngày 27/8/2019 của BTVTU về thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. - Ban Tổ chức Tỉnh ủy có Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 26/9/2019.
9	Quy định 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.	- Quy định số 01-QĐ/TU ngày 26/11/2020 của BTVTU về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.



Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 1A

TT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã								Ngoài nước	Khác
											Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước				Hợp tác xã		
											Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn	Cty hợp danh			
Tính đến 31/12/2020																				
1	Đảng bộ CS	111	18	13	5	21	35	2	17	28	8	7	2	6	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: ĐBCS được giao quyền cấp trên CS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi bộ CS	-	-	-	54	202	130	-	-	11	27	10	6	33	1	13	-	-	-	1
3	Đảng bộ bộ phận trực thuộc ĐUCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trong đó	Số chi bộ trực thuộc ĐUbộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số lượng đảng viên	17,101	8,375	6,044	974	3,730	4,485	43	1,016	2,627	1,287	510	158	650	24	142	-	-	-	8
4	Chi bộ trực thuộc ĐUCS	1,571	399	340	25	141	208	5	72	197	84	25	14	25	-	-	-	-	-	-
Trong đó	Chi bộ có từ 03-05 đv	265	21	26	1	5	6	-	20	28	12	4	5	10	-	-	-	-	-	-
	Chi bộ có từ 06-09 đv	483	45	63	13	28	66	2	33	65	28	8	4	5	-	-	-	-	-	-
	Chi bộ có từ 10-dưới 30 đv	801	250	214	11	105	128	3	19	101	42	13	5	10	-	-	-	-	-	-

[illegible]

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

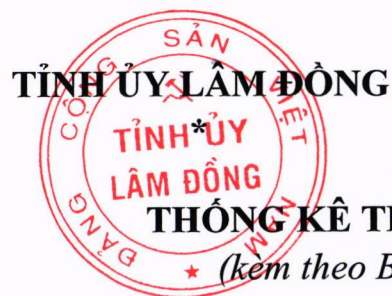
THÔNG KÊ KẾT QUẢ KIẾN TOÀN, SẮP XẾP TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 1B

STT	NỘI DUNG	Số TCCSĐ tính đến 31/12/2016	Kết quả kiến toàn, sắp xếp		Số TCCSĐ tính đến 31/12/2020
			Thành lập mới (bao gồm cả hợp nhất, sáp nhập)	Giải thể	
1	2	3	4	5	6 = 3 + 4 - 5
1	Xã, phường, thị trấn	147	2	7	142
2	Cơ quan nhà nước	148	144	10	282
3	Đơn vị sự nghiệp	183	11	27	167
4	Quân đội	19	1	3	17
5	Công an	51	3	15	39
6	Doanh nghiệp	119	11	16	114
7	Hợp tác xã	-	-	-	-
8	Ngoài nước	-	-	-	-
9	Khác		-	-	-

Ghi chú: Số liệu TCCSĐ tại cột 3 và 6 tại Biểu 1B phải thống nhất với Biểu 1A



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ CẤP ỦY, BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 2

TT	Loại hình	Tổng số	Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp	Quân đội	Công an	Doanh nghiệp nhà nước	DN ngoài KV NN	Ngoài nước	Loại hình khác
1	Cấp ủy cơ sở	2,454	1,036	618	114	323	272	91	0	0
1.1	<i>Trình độ chuyên môn</i>									
	Sau đại học	622	193	250	44	65	69	1	0	0
	Đại học, cao đẳng	1,774	800	363	70	258	202	81	0	0
	Trung cấp	48	34	5	0	0	1	8	0	0
	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo	10	9	0	0	0	0	1	0	0
1.2	<i>Trình độ lý luận chính trị</i>	2,454	1,036	618	114	323	272	91	0	0
	Cao cấp, cử nhân	763	406	120	68	126	38	5	0	0
	Trung cấp	1,381	589	450	45	195	77	25	0	0
	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo	310	41	48	1	2	157	61	0	0
2	Bí thư cấp ủy cơ sở	617	288	170	17	39	64	39	0	0
2.1	<i>Trình độ chuyên môn</i>									
	Sau đại học	184	54	76	12	16	24	2	0	0
	Đại học, cao đẳng	428	234	94	5	22	39	34	0	0
	Trung cấp	4	0	0	0	1	1	2	0	0
	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo	1	0	0	0	0	0	1	0	0



2.2	<i>Trình độ lý luận chính trị</i>	609	288	170	17	39	64	26	0	0
	Cao cấp, cử nhân	361	206	61	17	39	26	7	0	0
	Trung cấp	220	82	109	0	0	23	6	0	0
	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo	28	0	0	0	0	15	13	0	0





TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
BAN TỔ CHỨC

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THỐNG KÊ
ỦY VIÊN BCH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Biểu số 3

CHỈ TIÊU	Ủy viên Ban Chấp hành	Ủy viên Ban Thường vụ	Bí thư
1	2	4	6
Tổng số	1,808	512	141
<i>Trong đó:</i>			
- Phụ nữ	414	70	15
- Dân tộc thiểu số	353	71	15
- Tôn giáo	226	45	6
- Cán bộ tăng cường, luân chuyển	74	62	38
- Bí thư cấp ủy không là người địa phương			18
1. Tuổi đời	1,808	513	141
- Dưới 30 tuổi	87	18	0
- Từ 30 đến 40 tuổi	733	150	22
- Từ 41 đến 45 tuổi	386	115	30
- Từ 46 đến 50 tuổi	299	105	41
- Từ 51 đến 55 tuổi	212	90	35
- Trên 55 tuổi	92	35	13
2. Trình độ học vấn phổ thông	1,808	512	141
- Tiểu học	1	0	0
- Trung học cơ sở	19	0	0
- Trung học phổ thông	1,788	512	141
3. Trình độ chuyên môn	1,808	527	180
- Sơ cấp, chưa qua đào tạo	97	4	1
- Trung học chuyên nghiệp	158	35	3
- Đại học, Cao đẳng	1,511	450	153
- Sau đại học	42	38	23
4. Trình độ lý luận chính trị	1,808	512	141
- Sơ cấp, chưa qua đào tạo	120	3	1
- Trung cấp	1,559	396	66
- Cao cấp, cử nhân	129	113	74
5. Trình độ quản lý	881	317	115
- Quản lý kinh tế	0	0	0
- Quản lý nhà nước	881	317	115
- Khác	0	0	0



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH BÍ THƯ CẤP ỦY ĐỒNG THỜI LÀ
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỦA CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG**

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 4

STT	Nội dung	Xã		Phường		Trị trấn		Cơ quan	Đơn vị sự nghiệp	Doanh nghiệp có vốn NN	Doanh nghiệp không có vốn NN
		Số bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND	Số bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND	Số bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND	Số bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND	Số bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND	Số bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND	Số bí thư cấp ủy là thủ trưởng CQ,ĐV	Số bí thư cấp ủy là thủ trưởng CQ,ĐV	Số bí thư cấp ủy là chủ tịch hoặc giám đốc	Số bí thư cấp ủy là chủ tịch hoặc giám đốc
1	Năm 2020	18	68	2	8	2	6	283	169	61	25
2	Năm 2016	12	85	2	8	2	7	161	170	58	23
3	Năm 2010	9	73	1	8	1	8	232	150	61	20



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CẤP ỦY VIÊN CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2015-2020
(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 5

STT	Tiêu chí	Đào tạo chuyên môn			Đào tạo lý luận		Bồi dưỡng nghiệp vụ	
		Sau đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Theo chức danh	Nghệ vụ công tác đảng
A	Khối xã, phường, thị trấn	26	824	262	118	929	426	2,105
1	Bí thư cấp ủy	8	33	9	29	26	52	67
2	Phó bí thư	7	75	17	25	60	46	177
3	Ủy viên BTV, cấp ủy viên	6	302	86	28	374	111	628
4	Bí thư CB trực thuộc	3	241	64	29	305	115	947
5	Chi ủy viên	2	173	86	7	164	102	286
B	Khối cơ quan, ĐVSN	122	17	0	116	192	119	896
1	Bí thư cấp ủy	25	3	0	42	21	37	254
2	Phó bí thư	22	7	0	25	45	34	204
3	Ủy viên BTV, cấp ủy viên	31	3	0	23	61	42	121
4	Bí thư CB trực thuộc	28	1	0	14	25	6	28
5	Chi ủy viên	16	3	0	12	40	0	289
C	Khối doanh nghiệp	27	0	0	15	48	24	533
1	Bí thư cấp ủy	1	0	0	5	13	5	76
2	Phó bí thư	4	0	0	5	6	4	10
3	Ủy viên BTV, cấp ủy viên	10	0	0	5	26	15	161
4	Bí thư CB trực thuộc	5	0	0	0	3	0	131
5	Chi ủy viên	7	0	0	0	0	0	155
D	Khối LL vũ trang	145	172	0	85	192	79	113
1	Bí thư cấp ủy	16	7	0	9	14	14	7
2	Phó bí thư	10	11	0	31	8	13	25

3	Ủy viên BTV, cấp ủy viên	45	24	0	23	28	14	27
4	Bí thư CB trực thuộc	50	53	0	17	61	16	46
5	Chi ủy viên	24	77	0	5	81	22	8
Tổng cộng		320	1,013	262	334	1,361	648	3,647





**THỐNG KÊ VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY CƠ SỞ CẤP XÃ**

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 6

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2020
1	Số thôn, tổ dân phố	1570	1376
Trong đó	Số chưa có đảng viên	1	0
	Số chưa có tổ chức đảng	7	0
	Số chi bộ sinh hoạt ghép	5	2 (*)
2	Số bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	1534	1376
Trong đó	Số kiêm trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố	105	183
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận	284	408
	Số kiêm cả trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận	0	0
	Số kiêm nhiệm chức danh khác	17	43
3	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	1570	1376
	Trong đó: Số chưa là đảng viên	825	608
4	Số trường tiểu học và THCS	495	481
Trong đó	Số chưa có đảng viên	0	0
	Số chưa có tổ chức đảng	1	0
5	Số trạm y tế	141	137
Trong đó	Số chưa có đảng viên	7	4
	Số chưa có tổ chức đảng	49	45
6	Số doanh nghiệp	188	295
Trong đó	Số chưa có đảng viên	87	169
	Số chưa có tổ chức đảng	88	169

Ghi chú: Đã có tổ chức đảng nhưng đã nhập lại để cuối năm 2021 chờ nhập thôn, tổ dân phố



TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**THÔNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN
VÀ CHI BỘ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

(Tính đến 31/12/2020)

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 7

STT	Nội dung	Xã	Phường	Thị trấn
1	Chi bộ thôn, tổ dân phố	882	286	208
Trong đó	Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên	146	20	13
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên	248	23	37
	Chi bộ có từ 10 đến 29 đảng viên	470	164	116
	Chi bộ có từ 30 đến 50 đảng viên	14	58	37
	Chi bộ có từ 51 đến 100 đảng viên	4	20	5
	Chi bộ có trên 100 đảng viên	0	1	0
2	Số đảng viên của các chi bộ thôn, tổ dân phố	17350	8725	6108
Trong đó	Số đảng viên ngoài độ tuổi lao động	3037	2134	2572
	Số đảng viên trong độ tuổi lao động	14313	6591	3536
3	Số thôn, tổ dân phố không còn nguồn kết nạp	46	17	13



TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**THỐNG KÊ VỀ CÁN BỘ ĐỒN BIÊN PHÒNG THAM GIA CẤP ỦY CẤP XÃ
VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ĐỒN BIÊN PHÒNG VỀ SINH HOẠT CHI BỘ
Ở CÁC THÔN, BẢN BIÊN GIỚI, HẢI ĐẢO
(Năm 2020)**

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 8

TT	Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
1	Về cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp ủy cấp xã có biên giới, hải đảo		
Trong đó	Số xã có biên giới, hải đảo		
	Cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp ủy cấp xã		
2	Số đảng viên là cán bộ đồn biên phòng giới thiệu về sinh hoạt chi bộ ở các thôn, bản biên giới		
3	Số đảng viên là cán bộ đồn biên phòng phân công phụ trách hộ gia đình ở khu vực biên giới	(*)	

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THÔNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT
(Từ 1/1/2016 đến 31/12/2020)

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 9

STT	Năm	Tổ chức cơ sở đảng			Chi bộ trực thuộc			Đảng viên			
		Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ
1	2016	2	0	0	0	0	0	104	38	7	13
2	2017	0	0	0	2	1	0	138	36	4	11
3	2018	1	0	0	1	0	0	136	39	2	11
4	2019	0	0	0	0	1	0	153	22	1	13
5	2020	0	0	0	0	0	0	146	24	1	11

Ghi chú: Ghi rõ tên các tổ chức đảng bị giải tán

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021



**THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN
ĐƯỢC MIỄN CÔNG TÁC VÀ SINH HOẠT ĐẢNG**

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 10

STT	NỘI DUNG	Tính đến 31 tháng 12	
		Năm 2016	Năm 2020
	Tổng số đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng	1,492	2,160
1	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng vì tuổi cao, sức yếu	1,599	2,113
2	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng không vì lý do tuổi cao, sức yếu	222	448
Trong đó	Do phải điều trị bệnh dài ngày hoặc điều trị bệnh ở xa nơi cư trú	39	52
	Ra nước ngoài làm nhiệm vụ đơn lẻ, vì việc riêng như du lịch, chữa bệnh...	-	3
	Đi lao động đơn lẻ, ở vùng xa, không có tổ chức Đảng hoặc điều kiện đi lại khó khăn, không thể tham gia sinh hoạt Đảng	66	127
	Đảng viên đi làm việc lưu động ở các địa phương, đơn vị trong nước thời gian dưới 1 năm, việc làm không ổn định, hoặc ở những nơi chưa có tổ chức đảng, không có điều kiện về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định	76	195
	Đảng viên là cán bộ, công chức nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ của Nhà nước có nguyện vọng được miễn sinh hoạt đảng trong thời gian nghỉ chờ quyết định nghỉ hưu	13	16
	Đảng viên nữ trong thời gian sinh con theo quy định của Luật Lao động có nguyện vọng miễn Trường hợp khác (nếu có ghi rõ)	28	55
		-	-

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN ĐI LÀM ĂN XA NƠI CƯ TRÚ

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 11

STT	NỘI DUNG	Tính đến 31 tháng 12	
		Năm 2016	Năm 2020
	Tổng số đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú	181	377
Trong đó	Đảng viên chưa được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng	71	91
	Đảng viên được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng theo	198	402
	Miễn 1 lần	105	225
	Miễn 2 lần	48	68
	Miễn 3 lần trở lên	45	111



TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN BỊ XÓA TÊN VÀ XIN RA KHỎI ĐẢNG

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 12

STT	NỘI DUNG	Trong năm 2016	Trong năm 2020
1	Tổng số đảng viên chính thức bị xóa tên	51	96
1.1	Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng 3 tháng trong năm mà không có lý do chính đáng	26	59
Trong đó	- Đảng viên không làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng	6	4
	- Đảng viên đi làm ăn xa	5	19
	- Đảng viên thường xuyên đi công tác	15	36
1.2	Đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự hủy thẻ đảng viên	-	-
1.3	Đảng viên giám sát ý chí phân đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục	-	6
1.4	Đảng viên hai năm liên vi phạm tư cách đảng viên	25	31
1.5	Đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị	1	1
2	Tổng số đảng viên dự bị bị xóa tên	9	20
3	Tổng số đảng viên xin ra khỏi Đảng	23	67



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ
(Năm 2020)

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 13

STT	Chi bộ tại	Tỷ lệ bình quân đảng viên sinh hoạt (%)	Số buổi sinh hoạt bình quân của một chi bộ/năm	Số buổi sinh hoạt chuyên đề bình quân của một chi bộ/năm
1	Xã, phường, thị trấn	92%	12	4
2	Cơ quan nhà nước	97%	12	6
3	Đơn vị sự nghiệp	89%	12	4
4	Quân đội	100%	12	8
5	Công an	97%	12	9
6	Doanh nghiệp	93%	12	3
7	Hợp tác xã	-	-	-
8	Ngoài nước			
9	Khác	-	-	-



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
Ở CÁC XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI**

(Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

*Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2021 - 2025)*

(kèm theo Báo cáo số 159-BC/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu số 14

STT	Chỉ tiêu	Tính đến tháng 9/2021		
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	Số xã	69	9	4
2	Số thôn, bản, ấp...	607	41	40
3	Số chi bộ thôn, bản, ấp ...	606	41	40
4	Số đảng viên thôn, bản, ấp ...	9,171	320	347
5	Số thôn, bản, ấp ... chưa có chi bộ	1	-	-
6	Số thôn, bản, ấp ... chưa có đảng viên	-	-	-